**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

**Thuyết minh**

**Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 02/2024/TT-BTTTT
quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn
thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông**

*(Tháng 02/2025)*

 **1. Sự cần thiết xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 02/2024/TT-BTTTT**

Thông tư số 02/2024/TT-BTTTT ngày 29/3/2024 quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ TTTT (Danh mục SPHH nhóm 2) đã được ban hành, có hiệu lực từ 15/5/2024.

Thông tư có quy định ngưng hiệu lực áp dụng một phần/toàn bộ đối với một số quy chuẩn kỹ thuật và sản phẩm, hàng hóa thuộc danh mục để đồng bộ với năng lực thử nghiệm đánh giá sự phù hợp tại thời điểm ban hành, giải quyết các khó khăn vướng mắc thực tiễn. Hiện nay đã có một số phòng thử nghiệm trong nước đã tăng cường năng lực, được chỉ định bổ sung để thực hiện đo kiểm (thiết bị đầu cuối 4G; thiết bị đầu cuối, trạm gốc 5G; lĩnh vực tương thích điện từ, an toàn điện). Đồng thời trong năm 2024 Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức xây dựng và ban hành 04 QCVN cho sản phẩm, hàng hóa nhóm 2.

Trong năm 2025, Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định về chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy sản phẩm công nghệ thông tin và truyền thông; Thông tư thay thế Thông tư số 08/2021/TT-BTTTT quy định Danh mục thiết bị vô tuyến điện được miễn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, điều kiện kỹ thuật và khai thác kèm theo… Do vậy cần thiết rà soát, cập nhật Danh mục và quy định tại Thông tư quy định Danh mục SPHH nhóm 2 cho phù hợp.

Việc xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 02/2024/TT-BTTTT nhằm rà soát, cập nhật Danh mục SPHH nhóm 2, quy định đồng bộ QCVN áp dụng cho quản lý các thiết bị vô tuyến điện phù hợp với năng lực đo kiểm; đồng thời cập nhật đồng bộ các QCVN mới ban hành; cập nhật đồng bộ các quy định mới có liên quan đến sản phẩm, hàng hóa và quản lý chất lượng để các tổ chức sản xuất, kinh doanh nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa áp dụng trong hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, kiểm tra chất lượng.

**2. Những nội dung mới tại dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 02/2024/TT-BTTTT**

1. **Cập nhật quy chuẩn mới ban hành**

Nguyên tắc:

- Cập nhật các vào Danh mục các QCVN mới ban hành cho sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 tại Danh mục; bổ sung các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 mới vào Danh mục để quản lý theo Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Luật chuyên ngành.

- Quy định áp dụng QCVN cho sản phẩm, hàng hóa tại dự thảo Thông tư đúng theo quy định tại Thông tư ban hành QCVN (bao gồm thời điểm có hiệu lực, quy định lộ trình áp dụng nếu có).

- Xem xét thêm về điều kiện thực thi QCVN (năng lực thử nghiệm, chứng nhận); điều chỉnh quy định áp dụng QCVN nếu cần thiết để phù hợp với năng lực đo kiểm thực tế.

Dự thảo Thông tư cập nhật 04 QCVN mới ban hành năm 2024 theo các nguyên tắc trên, Cụ thể:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **QCVN mới ban hành** | **Quy định tại dự thảo Thông tư** | **Điều kiện thực thi** |
| 1 | QCVN 100:2024/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tương thích điện từ đối với thiết bị vô tuyến di động mặt đất và trung kế vô tuyến mặt đấtNội dung quy định:+ Kể từ ngày 01/7/2025 thiết bị vô tuyến di động mặt đất và trung kế vô tuyến mặt đất phải đáp ứng QCVN 100:2024/BTTTT+ Phương thức đánh giá sự phù hợp: đã được quy định tại QCVN (phương thức 1, 5, 7) | + Áp dụng QCVN 100:2024/BTTTT thay cho QCVN 100:2015/BTTTT đối với thiết bị trung kế vô tuyến (TETRA)+ Áp dụng QCVN 100:2024/BTTTT thay cho QCVN 18:2022/BTTTT đối với các thiết bị vô tuyến di động mặt đất  | Dự kiến **01** PTN (Cục Tần số) được chỉ định để đo QCVN 100:2024/BTTTT |
| 2 | QCVN 133:2024/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị trạm gốc thông tin di động đa công nghệ NR và E-UTRA – Phần truy nhập vô tuyếnNội dung quy định:+ Kể từ ngày 01/7/2025 thiết bị trạm gốc thông tin di động đa công nghệ bắt buộc phải tuân thủ QCVN 133:2024/BTTTT+ Phương thức đánh giá sự phù hợp: đã được quy định tại QCVN (phương thức 1, 5, 7) | + Áp dụng QCVN 133 thay cho QCVN 47 đối với trạm gốc mixed-mode 1-C; 1-H+ Quy định chưa áp dụng QCVN 133 đối với trạm gốc mixed-mode 1-O và tiếp tục áp dụng QCVN 47 để đảm bảo quản lý  | + Dự kiến **02** PTN (Cục VT, VHT) được chỉ định có năng lực đo QCVN 133 đối với trạm gốc mixed-mode 1-C; 1-H + Chưa có PTN trong nước đo được QCVN 133 đối với trạm gốc mixed-mode 1-O+ Chưa áp dụng các yêu cầu Công suất phát xạ bức xạ (EIRP) tại điều 2.2.2.7 và Độ nhạy thu OTA (EIS) tại điều 2.2.2.13 của QCVN 133:2024 do năng lực đo kiểm trong nước chưa đáp ứng |
| 3 | QCVN 134:2024/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mức hấp thụ riêng đối với thiết bị vô tuyến cầm tay và đeo trên cơ thể ngườiNội dung quy định:+ Kể từ ngày 01/7/2026: Máy điện thoại di động mặt đất phải tuân thủ QCVN 134:2024/BTTTT trước khi lưu thông trên thị trường*(Máy điện thoại 4G/ 5G bắt buộc phải công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận).*+ Kể từ ngày 01/7/2027: các SPHH thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 134;2024/BTTTT phải tuân thủ QCVN 134:2024/BTTTT trước khi lưu thông trên thị trường*(thiết bị DECT (chỉ máy con), máy tính xách tay (có thu phát vô tuyến), máy tính bảng (có thu phát vô tuyến) bắt buộc phải công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá sự phù hợp)*+ Phương thức đánh giá sự phù hợp: đã được quy định tại QCVN (phương thức 1, 5, 7) | + Bổ sung áp dụng QCVN 134 cho máy điện thoại 4G/5G kể từ ngày 01/7/2026+ Bổ sung áp dụng QCVN 134 cho thiết bị DECT (chỉ máy con), máy tính xách tay (có thu phát vô tuyến), máy tính bảng (có thu phát vô tuyến) kể từ ngày 01/7/2027 | Dự kiến **03** PTN (BV Việt Nam, DT&C Vina; Phúc Gia) được chỉ định để đo QCVN 134 |
| 4 | QCVN 135:2024/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị camera giám sát sử dụng giao thức Internet – Các yêu cầu an toàn thông tin cơ bảnNội dung quy định:+ Kể từ ngày 01/01/2026: Thiết bị camera giám sát sử dụng giao thức Internet phải đáp ứng các quy định tại QCVN 135:2024/BTTTT+ Phương thức đánh giá sự phù hợp: đã được quy định tại QCVN (phương thức 1, 5, 7) | + Bổ sung áp dụng QCVN 135 cho thiết bị camera giám sát sử dụng giao thức Internet kể từ ngày 01/01/2026+ Quy định thiết bị camera giám sát sử dụng giao thức Internet thuộc danh mục phải chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy (Mục 3.1 Phụ lục I) | Dự kiến 01 PTN được chỉ định (Cục ATTT) để thử nghiệm, chứng nhận phù hợp QCVN 135:2024/BTTTT. |

1. **Giải quyết các trường hợp ngưng hiệu lực áp dụng một phần/toàn bộ QCVN đồng bộ với năng lực thử nghiệm hiện tại**

**B.1 Các trường hợp ngưng hiệu lực/chưa bắt buộc áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt, tới hạn đến hết 30/6/2025 tại Thông tư 02:**

 Các QCVN có yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt, tới hạn đã được ngưng đến hết 30/6/2025 (theo Thông tư số 10/2023/TT-BTTTT và Thông tư số 02/2024/TT-BTTTT) do chưa đủ năng lực đo kiểm (các PTN trong nước thiếu các buồng đo kiểm điều kiện khắc nghiệt, tới hạn có kích thước lớn). Từ thời điểm hiệu lực của Thông tư 02/2024/TT-BTTTT đến nay một số năng lực đo kiểm trong điều kiện khắc nghiệt, tới hạn đã được cải thiện.

Nguyên tắc xử lý:

Đối với sản phẩm, hàng hóa và QCVN mà phòng thử nghiệm đã có năng lực đo kiểm đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn thì dừng quy định ngưng đo kiểm.

Các sản phẩm, hàng hóa mà chưa đo kiểm được điều kiện khắc nghiệt/tới hạn thì tiếp tục ngưng đến hết 30/6/2026.

**B.2. Các trường hợp ngưng /chưa bắt buộc áp dụng toàn bộ quy chuẩn kỹ thuật (các quy chuẩn kỹ thuật riêng cho thiết bị vô tuyến hàng hải, thiết bị vệ tinh...) đến hết 30/6/2025 tại Thông tư 02:**

Tại Thông tư 02 quy định áp dụng QCVN 47:2015/BTTTT thay thế QCVN riêng cho thiết bị vô tuyến hàng hải, thiết bị vệ tinh và ngưng áp dụng QCVN riêng đến hết 30/6/2025.

Thời gian vừa qua chưa có PTN nào trong nước đầu tư đo đầy đủ các QCVN riêng cho thiết bị vô tuyến hàng hải, vệ tinh nêu trên.

Nguyên tắc xử lý:

Tiếp tục ngưng áp dụng toàn bộ QCVN riêng đến hết 30/6/2026; áp dụng QCVN 47:2015/BTTTT thay thế để đảm bảo quản lý.

Trong thời gian tới sẽ xem xét, thúc đẩy thừa nhận phòng thử nghiệm nước ngoài thông qua MRA, hoặc thực hiện đơn phương thừa nhận kết quả thử nghiệm của nước ngoài (khi việc sửa đổi Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật được thông qua và tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động đơn phương thừa nhận này).

**Chi tiết xử lý B1. B2 tại Phụ lục I và II sau đây**

**Phụ lục I**

**DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA CHUYÊN NGÀNH CNTT&TT
BẮT BUỘC PHẢI CHỨNG NHẬN HỢP QUY VÀ CÔNG BỐ HỢP QUY**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên sản phẩm, hàng hóa** | **Quy chuẩn kỹ thuật** | **Quy định tại Thông tư 02/2024/TT-BTTTT** | **PTN trong nước được chỉ địnhđến 01/7/2025)** | **PTN nước ngoài được thừa nhận** | **Dự thảo Thông tư** |
| 1.1.1 | Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất | QCVN 117:2020/BTTTTQCVN 117:2023/BTTTT | Ngưng hiệu lực/chưa bắt buộc áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025 | DT&C Vina BV Việt Nam(dự kiến Phúc Gia, BACL) | 0 PTN | Dừng ngưng (Đo kiểm đầy đủ trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn) |
| 1.1.2 | Thiết bị đầu cuối thông tin di động thế hệ thứ năm (5G) | QCVN 127:2021/BTTTTQCVN 129:2021/BTTTT | ngưng hiệu lực áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025 | DT&C VinaBV Việt Nam(dự kiến Phúc Gia, BACL) | 07 PTN | Tiếp tục ngưng (đến hết 30/6/2026) |
| 1.1.3 | Thiết bị trạm gốc thông tin di động GSM  | QCVN 41:2016/BTTTT | ngưng hiệu lực áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Cục TSCục VTMobifone | 08 PTN | Tiếp tục ngưng (đến hết 30/6/2026) |
| 1.1.4 | Thiết bị trạm gốc thông tin di động W-CDMA FDD  | QCVN 16:2018/BTTTT |
| 1.1.5 | Thiết bị trạm gốc thông tin di động E-UTRA FDD | QCVN 110:2017/BTTTTQCVN 110:2023/BTTTT | Cục TS Cục VT  | 0 PTN | Tiếp tục ngưng (đến hết 30/6/2026) |
| 1.1.6 | Thiết bị trạm gốc thông tin di động thế hệ thứ năm (5G) | QCVN 128:2021/BTTTT | ngưng hiệu lực áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Cục VTVHT | 01 PTN | Dừng ngưng (Đo kiểm đầy đủ trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn) |
| 1.1.8 | Thiết bị lặp thông tin di động W-CDMA FDD | QCVN 66:2018/BTTTT  | ngưng hiệu lực áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Cục TSCục VT | 04 PTN | Tiếp tục ngưng (đến hết 30/6/2026) |
| 1.1.9 | Thiết bị lặp thông tin di động E-UTRA FDD | QCVN 111:2017/BTTTTQCVN 111:2023/BTTTT |
| 1.1.11 | Thiết bị vô tuyến mạng diện rộng công suất thấp (LPWAN)  | QCVN 122:2020/BTTTT | ngưng hiệu lực/chưa bắt buộc áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Cục TSCục VT | 03 PTN | + Tiếp tục ngưng (đến hết 30/6/2026)  |
| 1.1.12 | Thiết bị vô tuyến di động mặt đất có ăng ten liền dùng cho thoại tương tự | QCVN 37:2018/BTTTT | ngưng hiệu lực áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Cục TSCục VT | 06 PTN | + Dừng ngưng (đo kiểm đầy đủ) |
| 1.1.13 | Thiết bị vô tuyến di động mặt đất có ăng ten rời dùng cho thoại tương tự | QCVN 43:2011/BTTTT  | Cục TSCục VTCông ty CPĐTVT | 06 PTN |
| 1.1.14 | Thiết bị vô tuyến di động mặt đất có ăng ten liền dùng cho truyền dữ liệu (và thoại) | QCVN 44:2011/BTTTT  | Cục TSCục VT | 07 PTN |
| 1.1.15 | Thiết bị vô tuyến di động mặt đất có ăng ten rời dùng cho truyền số liệu (và thoại) | QCVN 42:2011/BTTTT  | Cục TSCục VTCông ty CPĐTVT | 10 PTN |
| 2.2 | Thiết bị phát, thu-phát vô tuyến cự ly ngắn dùng cho mục đích chung | - Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 9 kHz - 25 MHz:QCVN 55:2011/BTTTTQCVN 55:2023/BTTTT | ngưng hiệu lực áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Cục TSCục VT BV Vietnam (dự kiến Phúc Gia) | 0 PTN | + Tiếp tục ngưng (đến hết 30/6/2026) |
| - Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 40 GHz – 246 GHz:QCVN 123:2021/BTTTT (12)QCVN 18:2022/BTTTT (1) | ngưng hiệu lực áp dụng toàn bộ QCVN 123:2021/BTTTT đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025. | Không |  | + Tiếp tục ngưng (đến hết 30/6/2026) |
| 2.3 | Thiết bị truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz có công suất bức xạ đẳng hướng tương đương (EIRP) từ 60 mW đến 200 mW(chỉ đối với sản phẩm, hàng hóa là thiết bị tích hợp chức năng thu- phát sóng wifi) | QCVN 54:2020/BTTTT | ngưng hiệu lực/chưa bắt buộc áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025 chỉ đối với thiết bị không phải là Modem Wi-Fi, bộ phát Wi-Fi | Cục TSCục VTDT&C VinaBV Vietnam(dự kiến Phúc Gia, BACL) | 50 PTN | + Dừng ngưng (đo kiểm toàn bộ QCVN) |
| 2.4 | Thiết bị truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz có công suất bức xạ đẳng hướng tương đương (EIRP) từ 60 mW trở lên(chỉ đối với sản phẩm, hàng hóa là thiết bị tích hợp chức năng thu- phát sóng wifi) | QCVN 65:2021/BTTTT | ngưng hiệu lực/chưa bắt buộc áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025 chỉ đối với thiết bị không phải là Modem Wi-Fi, bộ phát Wi-Fi | Cục TSDT&C VinaBV Vietnam(dự kiến Phúc Gia, BACL) | 27 PTN | + Dừng ngưng (đo kiểm toàn bộ) |
| 2.6 | Thiết bị cảnh báo và phát hiện vô tuyến điện | QCVN 55:2011/BTTTTQCVN 55:2023/BTTTT | ngưng hiệu lực/chưa bắt buộc áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Cục TSCục VTDT&C VinaBV Việt Nam(dự kiến Phúc Gia) | 0 PTN(dự kiến 10 PTN)  | + Tiếp tục ngưng (đến hết 30/6/2026)  |
| 2.7 | Thiết bị điều khiển từ xa vô tuyến điện | QCVN 55:2011/BTTTTQCVN 55:2023/BTTTT | ngưng hiệu lực/chưa bắt buộc áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025 | + Tiếp tục ngưng (đến hết 30/6/2026)  |
| 2.8 | Thiết bị nhận dạng vô tuyến điện (RFID)(bao gồm RF tag và RF Reader) | QCVN 55:2011/BTTTTQCVN 55:2023/BTTTT | ngưng hiệu lực/chưa bắt buộc áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Dừng ngưng (Đo kiểm đầy đủ trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn) |

**Phụ lục II**

**DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA CHUYÊN NGÀNH CNTT&TT
BẮT BUỘC PHẢI CÔNG BỐ HỢP QUY**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên sản phẩm, hàng hóa** | **Quy chuẩn kỹ thuật** | **Quy định tại Thông tư 02/2024/TT-BTTTT** | **PTN trong nước được chỉ định (không đo đủ)** | **PTN nước ngoài được thừa nhận** | **Dự thảo Thông tư** |
| 3.1.1 | Thiết bị vi ba số  | - Cho thiết bị vi ba số điểm - điểm dải tần từ 1,4 GHz đến 55 GHz:QCVN 53:2017/BTTTT | ngưng hiệu lực/chưa bắt buộc áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Cục TSCục VTMobifoneCông ty ĐTPTVT | 3 | + Tiếp tục ngưng (đến hết 30/6/2026)  |
| 3.2.1 | Thiết bị VSAT hoạt động trong băng tần C | QCVN 38:2011/BTTTT  | Ngưng hiệu lực áp dụng toàn bộ các QCVN riêng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025 (áp dụng QCVN 47:2015/BTTTT để thay thế) | Không | 1 | + Tiếp tục ngưng đến hết 30/6/2026 (áp dụng QCVN 47:2015/BTTTT để thay thế)  |
| 3.2.2 | Thiết bị VSAT hoạt động trong băng tần Ku | QCVN 39:2011/BTTTT | Không | 2 | + Tiếp tục ngưng đến hết 30/6/2026 (áp dụng QCVN 47:2015/BTTTT để thay thế)  |
| 3.3.1 | Thiết bị thu phát vô tuyến VHF của trạm ven biển thuộc hệ thống GMDSS | QCVN 24:2011/BTTTT | Cục TSCục VT | 0 | + Tiếp tục ngưng đến hết 30/6/2026 (áp dụng QCVN 47:2015/BTTTT để thay thế)  |
| 3.3.2 | Thiết bị điện thoại VHF hai chiều lắp đặt cố định trên tàu cứu nạn | QCVN 26:2011/BTTTT | Cục TSCục VT | 0 | + Tiếp tục ngưng đến hết 30/6/2026 (áp dụng QCVN 47:2015/BTTTT để thay thế)  |
| 3.3.3 | Thiết bị Inmarsat-C sử dụng trên tàu biển | QCVN 28:2011/BTTTT | Cục TS | 0 | + Tiếp tục ngưng đến hết 30/6/2026 (áp dụng QCVN 47:2015/BTTTT để thay thế)  |
| 3.3.4 | Thiết bị điện thoại VHF sử dụng trên phương tiện cứu sinh | QCVN 50:2020/BTTTT | Cục TS | 0 | + Tiếp tục ngưng đến hết 30/6/2026 (áp dụng QCVN 47:2015/BTTTT để thay thế)  |
| 3.3.5 | Phao vô tuyến chỉ vị trí khẩn cấp hàng hải (EPIRB) hoạt động ở băng tần 406,0 MHz đến 406,1 MHz | QCVN 57:2018/BTTTT | Cục TS | 0 | + Tiếp tục ngưng đến hết 30/6/2026 (áp dụng QCVN 47:2015/BTTTT để thay thế)  |
| 3.3.6 | Phao chỉ báo vị trí cá nhân hoạt động trên băng tần 406,0 MHz đến 406,1 MHz | QCVN 108:2016/BTTTT | Cục TS | 0 | + Tiếp tục ngưng đến hết 30/6/2026 (áp dụng QCVN 47:2015/BTTTT để thay thế)  |
| 3.3.8 | Thiết bị gọi chọn số DSC | QCVN 58:2011/BTTTT | Cục TS | 0 | + Tiếp tục ngưng đến hết 30/6/2026 (áp dụng QCVN 47:2015/BTTTT để thay thế)  |
| 3.3.9 | Bộ phát đáp Ra đa tìm kiếm và cứu nạn | QCVN 60:2011/BTTTT | Cục TS | 0 | + Tiếp tục ngưng đến hết 30/6/2026 (áp dụng QCVN 47:2015/BTTTT để thay thế)  |
| 3.3.10 | Thiết bị Radiotelex sử dụng trong nghiệp vụ MF/HF hàng hải | QCVN 62:2011/BTTTT | Cục TS | 0 | + Tiếp tục ngưng đến hết 30/6/2026 (áp dụng QCVN 47:2015/BTTTT để thay thế)  |
| 3.3.11 | Thiết bị trong hệ thống nhận dạng tự động (AIS) sử dụng trên tàu biển | QCVN 68:2013/BTTTT | Cục TS | 0 | + Tiếp tục ngưng đến hết 30/6/2026 (áp dụng QCVN 47:2015/BTTTT để thay thế)  |
| 3.3.12 | Thiết bị nhận dạng tự động phát báo tìm kiếm cứu nạn | QCVN 107:2016/BTTTT  | Cục TS | 0 | + Tiếp tục ngưng đến hết 30/6/2026 (áp dụng QCVN 47:2015/BTTTT để thay thế)  |
| 3.3.13 | Thiết bị điện thoại VHF sử dụng cho nghiệp vụ di động hàng hải | QCVN 52:2020/BTTTT | Cục TS (v2020)Cục VT (2011)Công ty ĐTCN (2011) đã hết hạn | 0 | + Tiếp tục ngưng đến hết 30/6/2026 (áp dụng QCVN 47:2015/BTTTT để thay thế)  |
| 3.3.14 | Thiết bị điện thoại vô tuyến MF và HF | QCVN 59:2011/BTTTT | Cục TSCục VT | 0 | + Tiếp tục ngưng đến hết 30/6/2026 (áp dụng QCVN 47:2015/BTTTT để thay thế)  |
| 3.3.15 | Thiết bị điện thoại vô tuyến UHF | QCVN 61:2011/BTTTT | Cục TSCục VT | 1 | + Tiếp tục ngưng đến hết 30/6/2026 (áp dụng QCVN 47:2015/BTTTT để thay thế)  |
| 4.1 | Thiết bị phát, thu-phát vô tuyến cự ly ngắn dùng cho mục đích chung | - Cho thiết bị hoạt động tại băng tần 13,553-13,567 MHz: QCVN 55:2011/BTTTTQCVN 55:2023/BTTTT | ngưng hiệu lực/chưa bắt buộc áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025 | Cục TSCục VTDT&C VinaBV Việt Nam(dự kiến Phúc Gia) | 0 (dự kiến 10 PTN) | + Tiếp tục ngưng đến hết 30/6/2026 |
| - Cho thiết bị hoạt động tại các băng tần 61,0-61,5 GHz, 122-123 GHz, 244-246 GHz:QCVN 123:2021/BTTTT | Ngưng hiệu lực áp dụng toàn bộ đến hết 30/6/2025 | Không | 2  | + Tiếp tục ngưng đến hết 30/6/2026 |
| 4.2 | Thiết bị nhận dạng vô tuyến điện (RFID)(bao gồm RF tag và RF Reader) | Cho thiết bị hoạt động tại băng tần 13,553 MHz - 13,567 MHz:QCVN 55:2021/BTTTTQCVN 55:2023/BTTTT | Ngưng hiệu lực/chưa bắt buộc áp dụng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện khắc nghiệt/tới hạn đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024. | Cục TSCục VTDT&C VinaBV Việt Nam (dự kiến Phúc Gia) | 0 (dự kiến 10 PTN) | + Dừng ngưng (đo kiểm đầy đủ trong điều kiện khắc nghiệt/ tới hạn) |

1. **Một số điều chỉnh khác**

- Làm rõ Danh mục không bao gồm thiết bị vô tuyến “chỉ thu” (tại tiêu đề phân loại thiết bị vô tuyến điện, mục 1 Phụ lục I và mục 3 Phụ lục II)

- Thiết bị WiFi 6E, W-Fi 7: Hiện nay Bộ TTTT đã dự kiến đây là thiết bị vô tuyến điện cự ly ngắn được miễn giấy phép, đã xác định băng tần và điều kiện khai thác tại dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 08; do vậy Dự thảo Thông tư Danh mục đã điều chỉnh quy định về “tắt băng tần 6 GHz” đối với thiết bị WiFi 6E, WiF7; theo đó: bổ sung thiết bị này tại mục 4.9 Phụ lục II (phải thực hiện công bố hợp quy), áp dụng QCVN 47 và 96; thiết bị hoạt động ở đoạn băng tần 6425 GHz đến 7125 GHz (không dành cho WiFi 6E, WiFi 7 hoạt động tại Việt Nam theo Thông tư sửa đổi Thông tư 08) tiếp tục có quy định về “tắt băng tần”.

- Rà soát quy định về “chỉ thực hiện chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy” khi thiết bị phù hợp băng tần, điều kiện kỹ thuật, khai thác theo Thông tư 08/2021/TT-BTTTT để làm rõ: ngoài việc tuân thủ các QCVN tương ứng, thiết bị phải phù hợp với băng tần và điều kiện kỹ thuật, khai thác theo Thông tư số 08/2021/TT-BTTTT.

- Điều chỉnh quy định tại Điều 5 về một số trường hợp sản phẩm, hàng hóa được miễn chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, theo đó: một số sản phẩm, hàng hóa đã được xem xét, quy định miễn kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu đối với một số quy chuẩn kỹ thuật. Quy định này là cụ thể hóa các trường hợp được miễn kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu quy định tại điểm c và điểm p khoản 7 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 13/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Quy định rõ thiết bị “Simbox” là loại sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy (mục 1.1.1 Phụ lục I): Simbox là một loại thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất; tại Danh mục đã cụ thể hơn về mô tả hàng hóa và quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

- Đối với QCVN 101:2020/BTTTT về Pin lithium: Hiện nay 03 phòng thử nghiệm trong nước được chỉ định đã đo kiểm đầy đủ QCVN; thời gian đo 1 mẫu 03 tháng (tuy nhiên các mẫu sau sẽ chỉ cần 02 tuần do đo kiểm gối nhau). Việc đo kiểm đầy đủ QCVN đảm bảo chất lượng của Pin lithium tương đương tiêu chuẩn quốc tế, do vậy cần thực hiện đo kiểm đầy đủ để nâng cao chất lượng, bảo vệ quyền lợi người sử dụng. Để doanh nghiệp có thời gian đo kiểm, đảm bảo việc lưu thông hàng hóa, dự thảo Thông tư đã quy định đo kiểm đầy đủ QCVN 101:2020/BTTTT kể từ ngày 01/01/2026 (đã sửa quy định tại ghi chú (8) của Phụ lục I và Phụ lục II).

**3. Hiệu lực thi hành và Điều khoản chuyển tiếp**

3.1. Thời điểm hiệu lực của Thông tư dự kiến là 01/7/2025. Thông tư 02/2024/TT-BTTTT hết hiệu lực thi hành kể từ thời điểm này.

3.2. Quy định điều khoản chuyển tiếp (Điều 8) được kế thừa từ Thông tư 02/2024/TT-BTTTT để đảm bảo việc thực thi./.